

I. THÔNG TIN KINH TẾ - CHÍNH SÁCH.



GDP tăng 8,4% trong quý 2, Ấn Độ duy trì vị thế là nền kinh tế phát triển nhanh nhất

Sau làn sóng đại dịch thứ hai, các hoạt động kinh tế của Ấn Độ hiện nay đã trở lại bình thường, đây là quý thứ tư liên tiếp GDP của Ấn Độ quay trở lại tăng trưởng tích cực sau hai quý suy giảm vào năm 2020. Ấn Độ tiếp tục là nền kinh tế lớn có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất với tốc độ 8,4% trong quý 2 năm 2021 (từ tháng 7 tới tháng 9). Dự báo GDP của Ấn Độ cho năm 2021 ở mức cao hơn so với mức dự báo 8% cho Trung Quốc và mức 6% cho Mỹ. Trung Quốc đã ghi nhận mức tăng trưởng 4,9% trong giai đoạn từ tháng 7 đến tháng 9 năm 2021.

GDP tính theo giá không đổi (2011-2012) trong tháng 4 tới tháng 9/2021 (nửa đầu năm tài chính 2021-2022 ước tính đạt 68,11 Rs lakh crore (tương ứng với 903 tỷ USD) tăng 13,7% so với mức 59,92 Rs lakh crore (tương đương với 792 tỷ USD) so với cùng kỳ năm 2020, tuy nhiên mức tăng này chưa thể bù lại so với suy giảm 15,9% của năm 2020 so với năm 2019. Giá trị thực tế tuyệt đối của GDP quý 2/2021 ở mức 35,75 Rs Lakh Crore (tương đương với 474 tỷ USD) tăng 0,33% so với mức 32,96 Rs Lakh Crore (tương đương với 437 tỷ USD) trong quý 2/2020.

Những tín hiệu phục hồi này cho thấy những nỗ lực của chính phủ Ấn Độ trong việc thúc đẩy tiêu dùng thông qua chi tiêu chính phủ và lãi suất thấp đã mang lại những kết quả khả quan. Bên cạnh đó, Ấn Độ đã nói lỏng chính sách tài khóa và tiền tệ để có thể giúp nền kinh tế vượt qua cơn đại dịch. Chính phủ Ấn Độ cam kết sẽ tiếp tục các biện pháp này trong thời gian cần thiết để hỗ trợ tăng trưởng kinh tế trong nước. Bộ trưởng Bộ Tài chính Nirmala Sitharaman đã ưu tiên chi tiêu cho cơ sở hạ tầng trong dự toán ngân sách năm 2021.

Các hoạt động kinh tế của Ấn Độ đang trở lại bình thường sau làn sóng đại dịch thứ hai kể từ đầu năm 2021. Báo cáo GDP quý 2 năm 2021 phản ánh sự phục hồi trong chi tiêu tiêu dùng tư nhân do việc mở cửa trở lại nền kinh tế, dịch bệnh phần nào được kiểm soát do tác động đáng kể bởi tiêm chủng trên diện rộng.

Hoạt động dịch vụ của chính phủ bao gồm hành chính công và quốc phòng ghi nhận tăng trưởng mạnh mẽ ở mức 17,4%. Chi tiêu chính phủ tăng 8,7% so với cùng kỳ năm 2020 và lãi suất thấp đã thúc đẩy tiêu dùng tăng cao.

Thâm hụt tài khóa dự kiến sẽ ở mức 6,8% GDP (tính tới hết ngày 31/3/2022). Mức dự báo thâm hụt tài khóa này nằm trong dự toán Ngân sách có thể đáp ứng được. Theo dữ liệu của Văn phòng Kiểm soát tổng hợp tài khoản (CGA), thâm hụt tài chính của chính phủ Ấn Độ ước đạt 5,47 rs lakh crore (tương đương 72,5 tỷ USD) chiếm 36,6% dự toán ngân sách vào cuối tháng 10/2021 nhờ cải thiện thu ngân sách. Số liệu thâm hụt tài khóa hiện tại tốt hơn so với cùng kỳ năm 2020, với sự chênh lệch chi và thu đã tăng lên 119,7% so với dự toán ngân sách năm 2020, chủ yếu tăng chi tiêu để đối phó với đại dịch Covid-19.

Tổng giá trị gia tăng (GVA) đạt mức tăng trưởng 8,5% trong quý 2/2021 cho thấy sự phục hồi trên diện rộng ở nhiều lĩnh vực. Lĩnh vực nông nghiệp đạt mức tăng trưởng 4,5% do vụ mùa bội thu. Bên cạnh đó, hoạt động sản xuất tăng 5,5%, phản ánh sự phục hồi nhu cầu tiêu dùng trong nước, và xuất khẩu tăng. Lĩnh vực xây dựng, thương mại, khách sạn, vận tải và dịch vụ tài chính đạt mức tăng trưởng 7-8%.

Tăng trưởng của các lĩnh vực cốt lõi đạt mức 7,3%, được thúc đẩy bởi sự phục hồi mạnh mẽ trong sản xuất than, xi măng, phân bón và các sản phẩm lọc dầu. Ngoại trừ lĩnh vực điện suy giảm sản lượng do yếu tố mùa vụ và sự thiếu hụt than, tất cả các lĩnh vực cốt lõi ghi nhận sự tăng trưởng trên diện rộng, mở ra kỳ vọng về việc cải thiện hoạt động công nghiệp. Sản lượng các ngành cốt lõi đã

vượt mức trước đại dịch với chỉ số bình quân gia quyền (Weighted Average) trong khoảng thời gian từ tháng 4 tới tháng 10 cao hơn 0,6% so với cùng kỳ năm 2019. Trong 8 lĩnh vực cốt lõi, 6 lĩnh vực cho thấy sự tăng trưởng tích cực trong giai đoạn 7 tháng gần đây so với năm tài chính 2020, ngoại trừ 2 lĩnh vực dầu thô và các sản phẩm dầu mỏ tinh chế.

Ông Sakshi Gupta, chuyên gia kinh tế cao cấp của Ngân hàng HDFC nhận xét “tăng trưởng GDP trong quý 2 đạt mức 8,4%, cho thấy nền kinh tế đã đạt được lực kéo trong quý 2. Về phía cung, tăng trưởng nông nghiệp cùng với tăng trưởng dịch vụ ở mức 10,2% với sự phục hồi các dịch vụ, lĩnh vực tài chính và bất động sản”.

Cổ vấn kinh tế của CEA, KV Subramanian cho biết Ấn Độ dự kiến sẽ đạt mức tăng trưởng hai con số trong năm tài chính hiện tại (tháng 4/2021 đến tháng 3/2022), được hỗ trợ bởi nhu cầu tăng và khu vực ngân hàng phát triển mạnh mẽ. Trong nửa đầu năm 2021, Ấn Độ đạt tăng trưởng chung 13,7% do đó với mức tăng trưởng hơn 6% trong nửa cuối năm cũng có thể giúp Ấn Độ đạt tăng trưởng cả năm trên 2 con số. Trong dự kiến, Ấn Độ có thể đạt mức tăng trưởng 6,5-7% cho năm tới và hơn 7% với các kịch bản kinh tế khác nhau.

Trái với nhận xét khả quan về sự phục hồi kinh tế Ấn Độ nói trên, cựu Bộ trưởng Tài chính P Chidambaram cho rằng đây vẫn chưa phải sự phục hồi hình chữ V, và có những lĩnh vực kinh tế kinh tế vẫn còn “què quặt” và cần được giúp đỡ để phục hồi. Ông nhận xét thêm “trong giai đoạn 2021-2022, tăng trưởng GDP trong quý 1 là 20,1% so với mức tăng trưởng của quý 1 năm 2020 là -24,4%. Trong quý 2 mức tăng trưởng đạt 8,4% so với mức tăng trưởng của quý 2 năm 2020 là -7,4%.

Nhiều nhà phân tích đưa ra dự báo tăng trưởng năm tài chính 2022 của Ấn Độ sẽ nằm trong khoảng 9,3% đến 10% với giả định rằng sẽ không có làn sóng Covid-19 nghiêm trọng nào diễn ra. Tuy nhiên, trong bối cảnh xuất hiện biến thể mới Omicron đang trở

thành mối đe dọa hàng đầu đối với sự phục hồi kinh tế toàn cầu, thì những dự báo kinh tế này có lẽ cần điều chỉnh lại.

Thâm hụt tài khóa của Ấn Độ từ tháng 4 tới tháng 10 đạt 36,3% mục tiêu trong năm tài chính 2021-2022

Theo dữ liệu công bố bởi Văn phòng Kiểm soát tổng hợp tài khoản (CGA), thâm hụt tài khóa của Ấn Độ trong 7 tháng kể từ tháng 4 tới tháng 10/2021 ở mức 5,47 lakh crore (tương đương với 72,3 tỷ USD) chiếm 36,3% dự toán ngân sách năm 2021-2022.

Mức thâm hụt tài khóa này tốt hơn so với năm tài chính 2020-2021, do mức chi tiêu trong năm trước đã tăng 119,7% so với dự toán do tăng chi tiêu đối phó với dịch bệnh.

Trong năm tài chính hiện tại. Thâm hụt ở mức 6,4% GDP trong nửa đầu năm tài chính hiện tại, thấp hơn một chút so với mục tiêu cả năm là 6,8% GDP hay 15,06 Rs lakh crore (tương đương với 199,2 tỷ USD).

Dữ liệu của CGA cho thấy, trong khoảng thời gian từ tháng 4 tới tháng 10/2021, Chính phủ Ấn Độ đã thu 12,7 Rs lakh crore (tương đương với 168 tỷ USD) chiếm 64,7% tổng dự toán thu trong năm tài chính 2021-2022, trong đó bao gồm 10,53 Rs lakh crore (tương đương với 139 tỷ USD) doanh thu từ thuế, 2,06 Rs lakh crore (tương đương với 27,3 tỷ USD) doanh thu ngoài thuế và 19.722 Rs crore (tương đương với 2,6 tỷ USD) từ vốn không nợ. Trong khi đó, chính phủ đã chi 18,2 Rs lakh crore (tương ứng với 240 tỷ USD), chiếm 52,4% dự toán ngân sách chi năm tài chính 2021-2022.

Lợi nhuận thu được từ dầu mỏ đã góp phần vào việc tăng thu thuế của chính phủ. Thâm hụt tài chính có thể giảm vào tháng 11 khi chính phủ thông báo cắt giảm thành phần thuế tiêu thụ đặc biệt đối với nhiên liệu vào đầu tháng 11.

Vivek Jalan, chuyên gia tư vấn Thuế cho biết khoản thu thuế GST theo ngân sách là gần 1 Rs lakh crore (tương đương với 13,2 tỷ USD) mỗi tháng và trong 7 tháng trong năm tài chính này, khoản thu thuế GST đã lên tới 8

Rs lakh crore (tương đương với 105 tỷ USD). "Việc tăng thuế suất GST đối với hàng dệt may, tấm pin mặt trời, giày dép, ngành công nghiệp rượu, vật liệu đóng... đã khiến doanh thu từ thuế GST.

Nhưng việc chính phủ Ấn Độ tiếp tục kéo dài chương trình thực phẩm miễn phí cho đến tháng 3 năm 2022, dự kiến sẽ tiêu tốn thêm 53.000 Rs crore (tương đương với 7 tỷ USD), nếu được đưa vào tính toán Ngân sách, có thể đặt ra một vấn đề về việc duy trì mục tiêu Ngân sách.

Chuyên gia kinh tế của CARE Ratings, Madan Sabnavis nhận xét, "Trong khi doanh thu đạt mức và các mục tiêu về doanh thu (trừ khoản thu từ đầu tư) đều đã đạt được, nhưng bên cạnh đó, chính phủ đang mở rộng chương trình trợ cấp thực phẩm miễn phí và thực hiện nhiều biện pháp cứu trợ khác ngoài dự toán ngân sách. Chính phủ cần bổ sung những nội dung này để có những điều chỉnh dự toán chi tiêu ngân sách cho phù hợp".

Ông đánh giá "Có khả năng trượt giá ở mức khoảng 1% GDP, nếu tính thêm chi phí cứu trợ. Các khoản thu không phải là lớn để bù đắp cho gói cứu trợ. Ngoài ra, cũng cần tính tới những ảnh hưởng có thể xảy ra do sự xuất hiện của biến thể Omicron, tác động tiêu cực tới nền kinh tế Ấn Độ.

Tỷ lệ thất nghiệp ở mức 9,3% từ tháng 1 đến tháng 3 năm 2021: Khảo sát của NSO



Kết quả cuộc khảo sát lực lượng lao động định kỳ của Cục Thống kê Quốc gia (NSO) cho thấy tỷ lệ thất nghiệp ở mọi lứa tuổi ở khu vực thành thị đã tăng lên 9,3% vào tháng 1

đến tháng 3 năm 2021 từ mức 9,1% trong cùng kỳ năm 2020, cho thấy một

Tỷ lệ thất nghiệp (Unemployment rate - UR) được định nghĩa là phần trăm số người thất nghiệp trong lực lượng lao động.

Điều tra Lực lượng Lao động Định kỳ (Periodic Labour Force Survey - PLFS) lần thứ 9 ở khu vực thành thị đối với người từ 15 tuổi trở lên là 10,3%. Trong đó, tỷ lệ thất nghiệp ở nữ ở khu vực thành thị (từ 15 tuổi trở lên) đã tăng lên 11,8% trong tháng 1 đến tháng 3 năm 2021 từ 10,6% một năm trước. Tỷ lệ này là 13,1% vào tháng 10 đến tháng 12 năm 2020. Tỷ lệ thất nghiệp ở nam giới ở khu vực thành thị (từ 15 tuổi trở lên) vẫn giữ nguyên ở mức 8,6% trong giai đoạn từ tháng 1 đến tháng 3 năm 2021 so với một năm trước.

NSO đã khởi động PLFS vào tháng 4 năm 2017. Trên cơ sở PLFS, bản tin hàng quý được đưa ra để đưa ra các ước tính về các chỉ số lực lượng lao động cụ thể là UR, Tỷ lệ dân số lao động (Worker Population Ratio - WPR), Tỷ lệ tham gia lực lượng lao động (Labour Force Participation Rate - LFPR), phân bố lao động trong tình trạng hàng tuần hiện tại (Current Weekly Status - CWS). Trong đó, ước tính số người thất nghiệp trong CWS đưa ra bức tranh trung bình về thất nghiệp trong thời gian ngắn 7 ngày trong thời gian khảo sát.

Trong cách tiếp cận CWS, một người được coi là thất nghiệp nếu anh ta/cô ta không làm việc dù chỉ một giờ vào bất kỳ ngày nào trong tuần nhưng đã tìm kiếm hoặc sẵn sàng làm việc ít nhất một giờ vào bất kỳ ngày nào trong thời gian đó. Lực lượng lao động theo CWS là số người có việc làm hoặc thất nghiệp tính trung bình trong một tuần trước ngày điều tra. LFPR được định nghĩa là tỷ lệ phần trăm dân số trong lực lượng lao động.

WPR (%) trong CWS ở khu vực thành thị đối với người từ 15 tuổi trở lên ở mức 43,1 phần trăm trong giai đoạn từ tháng 1 đến tháng 3 năm 2021, giảm so với 43,7 phần trăm trong cùng kỳ năm trước. Tỷ lệ này là 42,4% vào tháng 10 đến tháng 12 năm 2020.

WPR là tỷ lệ phần trăm số người có việc làm trong số dân số trong độ tuổi lao động của đất nước.

II. THƯƠNG MẠI SONG PHƯƠNG

Thương mại song phương Việt Nam – Ấn Độ tháng 10 năm 2021

Theo số liệu của Tổng cục Hải Quan Việt Nam, thương mại song phương tháng 10 đạt 1,156 tỷ USD tăng 22,64% so với tháng 10/2020; Ấn Độ xuất 550 triệu USD (tăng 54,18%), Việt Nam xuất 606 triệu USD (3,43%), thặng dư 56 triệu USD. Tính cả 10 tháng đầu năm 2021, tổng kim ngạch thương mại song phương đạt 10,988 tỷ USD, tăng 37,68% so với cùng kỳ; Ấn Độ xuất 5,842 tỷ USD, Việt Nam xuất 5,146 tỷ USD, thâm hụt 696 triệu USD.

Các mặt hàng chính xuất khẩu từ Việt Nam sang Ấn Độ chiếm tỷ trọng lớn trong tháng 10 gồm: Điện thoại các loại và linh kiện (166,43 triệu USD, giảm 3% so với cùng kỳ); Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện (62,49 triệu USD, giảm 29,6%); Máy móc thiết bị dụng cụ phụ tùng (53,96 triệu USD, tăng 9,28%); sắt thép và sản phẩm từ sắt thép (26,04 triệu USD, tăng 32,52%); Hóa chất và sản phẩm hóa chất (64,53 triệu USD, tăng 130,87%); cao su và các sản phẩm từ cao su (29,31 triệu USD tăng 208,53%). Các mặt hàng tăng trưởng cao gồm: than các loại (3,30 triệu USD so với 0 USD tháng 10/2020); thủy sản tăng 346%; hạt điều tăng 470%.

Các mặt hàng chính xuất khẩu từ Ấn Độ sang Việt Nam chiếm tỷ trọng lớn trong tháng 10 gồm: Sắt thép và sản phẩm từ sắt thép (186,52 triệu USD, tăng 188,46% so với cùng kỳ). Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng (40,75 triệu USD, tăng 34%); Bông (13,66 triệu USD, tăng 9,1%); Thủy sản (18,30 triệu USD, giảm 6,53%); Dược phẩm và nguyên phụ liệu dược phẩm (21,61 triệu USD, giảm 24,2%). Đá quý, kim loại quý và sản phẩm (30,5 triệu USD tăng 153%); Linh kiện, phụ tùng ô tô (22,86 triệu USD tăng 11,2%).

Tháng 10 Việt Nam không nhập ngô từ Ấn Độ nhiều như các tháng trước.

Thương mại hàng hóa của Ấn Độ tháng 11 năm 2021

Xuất khẩu hàng hóa của Ấn Độ trong tháng 11/2021 đạt 29,88 tỷ USD, tăng 26,49% so với mức 23,62 tỷ USD vào tháng 11/2020 và tăng 15,93% so với mức 25,77 tỷ USD trong tháng 11/2019. Tính cả 8 tháng đầu năm tài chính 2021-2022 (tháng 4-11/2021), kim ngạch xuất khẩu đạt 262,46 tỷ USD, tăng 50,71% so với mức 174,15 tỷ USD cùng kỳ năm 2020 và tăng 24,29% so với giá trị 211,17 tỷ USD cùng kỳ năm 2019.

Nhập khẩu hàng hóa của Ấn Độ trong tháng 11/2021 ở mức 53,15 tỷ USD, tăng 57,18% so với 33,81 tỷ USD vào tháng 11/2020 và tăng 37,96% so với 38,52 tỷ USD vào tháng 11/2019. Tính cả 8 tháng đầu năm tài chính 2021-2022, kim ngạch nhập khẩu là 384,44 tỷ USD, tăng 75,39% so với 219,19 tỷ USD cùng kỳ năm 2020 và tăng 18,44% so với 324,59 tỷ USD so với cùng kỳ năm 2019.

Nhập siêu tháng 11/2021 là 23,27 tỷ USD, 8 tháng nhập siêu là 121,98 tỷ USD.

Bảng 1: Kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa của Ấn Độ tháng 11 năm 2021

Kim ngạch	Giá trị (tỷ USD)			Tốc độ tăng trưởng (%)	
	Tháng 11/2021	Tháng 11/2020	Tháng 11/2019	Tháng 11/2021 so với tháng 11/2020	Tháng 11/2021 so với tháng 11/2019
Xuất khẩu	29,88	23,62	25,77	26,49	15,93
Nhập khẩu	53,15	33,81	38,52	57,18	37,96
Thâm hụt	23,27	10,19	12,75	128,30	82,48

Bảng 2: Lũy kế kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa của Ấn Độ từ tháng 4 đến tháng 11/2021

Kim ngạch	Giá trị (tỷ USD)			Tốc độ tăng trưởng (%)	
	Tháng 4-11/2021	Tháng 4-11/2020	Tháng 4-11/2019	Tháng 4-11/2021 so với Tháng 4-11/2020	Tháng 4-11/2021 so với Tháng 4-11/2019
Xuất khẩu	262,46	174,15	211,17	50,71	24,29
Nhập khẩu	384,44	219,19	324,59	75,39	18,44
Thâm hụt	121,98	45,05	113,42	170,80	7,54

Giá trị xuất khẩu các sản phẩm phi dầu mỗi tháng 11/2021 là 26,06 tỷ USD, tăng 18,1% so với giá trị 22,06 tỷ USD trong tháng 11/2020 và tăng 18,69% so với giá trị 21,95 tỷ USD trong tháng 11/2019.

Giá trị nhập khẩu các sản phẩm phi dầu mở là 38,47 tỷ USD trong tháng 11/2021, tăng 39,9% so với giá trị 27,5 tỷ USD trong tháng 11/2020 và tăng 40,12% so với giá trị 27,45 tỷ USD trong tháng 11/2019.

Bảng 3: Kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa phi dầu mở vào tháng 11/2021

Kim ngạch	Giá trị (tỷ USD)			Tốc độ tăng trưởng (%)	
	Tháng 11/2021	Tháng 11/2020	Tháng 11/2019	Tháng 11/2021 so với Tháng 11/2020	Tháng 11/2021 so với Tháng 11/2019
Xuất khẩu	26,06	22,06	21,95	18,10	18,69
Nhập khẩu	38,47	27,50	27,45	39,90	40,12

Giá trị lũy kế kim ngạch xuất khẩu các sản phẩm phi dầu mở từ tháng 4 đến tháng 11/2021 là 225,46 tỷ USD, tăng 41,78% so

với giá trị 159,03 tỷ USD trong cùng giai đoạn năm 2020 và tăng 23,44% so với 182,66 tỷ USD trong cùng kỳ năm 2019.

Giá trị lũy kế kim ngạch nhập khẩu các sản phẩm phi dầu mở từ tháng 4 đến tháng 11/2021 là 282,36 tỷ USD, tăng 61,4% so với giá trị 174,94 tỷ USD trong cùng kỳ năm 2020 và tăng 18,34% so với giá trị 238,6 tỷ USD trong cùng kỳ năm 2019.

Bảng 4: Lũy kế kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa phi dầu mở từ tháng 4 đến tháng 11/2021

Kim ngạch	Giá trị (tỷ USD)			Tốc độ tăng trưởng (%)	
	Tháng 4-11/2021	Tháng 4-11/2020	Tháng 4-11/2019	Tháng 4-11/2021 so với Tháng 4-11/2020	Tháng 4-11/2021 so với Tháng 4-11/2019
Xuất khẩu	225,46	159,03	182,66	41,78	23,44
Nhập khẩu	282,36	174,94	238,60	61,40	18,34

Kim ngạch xuất khẩu các sản phẩm phi dầu mở và phi đá quý và đồ trang sức² trong tháng 11/2021 là 23,66 tỷ USD, tăng trưởng 22,16% so với giá trị 19,37 tỷ USD trong tháng 11/2020 và tăng trưởng 22,17% so với giá trị 19,37 tỷ USD trong tháng 11/2019.

Kim ngạch nhập khẩu các sản phẩm phi dầu mở và phi đá quý và đồ trang sức đạt 32,02 tỷ USD trong tháng 11/2021, tăng trưởng 41,53% giá trị 22,63 tỷ USD trong cùng kỳ năm 2020 và tăng trưởng 42,72% so với 22,44 tỷ USD giá trị cùng kỳ năm 2019.

Bảng 5: Kim ngạch xuất nhập khẩu các sản phẩm phi dầu mở, phi đá quý đồ trang sức tháng 11/2021

Kim ngạch	Giá trị (tỷ USD)			Tốc độ tăng trưởng (%)	
	Tháng 11/2021	Tháng 11/2020	Tháng 11/2019	Tháng 11/2021 so với tháng	Tháng 11/2021 so với tháng
Xuất khẩu	23,66	19,37	19,37	22,16	22,17
Nhập khẩu	32,02	22,63	22,44	41,53	42,72

¹ Sản phẩm phi dầu mở: non-POL (petroleum, oil and lubricants)

² Sản phẩm phi đá quý đồ trang sức: non-GJ (gems and jewellery)

				11/2020	11/2019
Xuất khẩu	23,66	19,37	19,37	22,16	22,17
Nhập khẩu	32,02	22,63	22,44	41,53	42,72

Giá trị xuất khẩu lũy kế của các sản phẩm phi dầu mỏ và phi đá quý, đồ trang sức từ tháng 4 đến tháng 11/2021 là 199,56 tỷ USD, tăng 37,89% so với giá trị 144,72 tỷ USD trong cùng kỳ năm 2020 và tăng 27,03% so với giá trị 157,09 tỷ USD trong cùng kỳ năm 2019.

Giá trị nhập khẩu lũy kế của các sản phẩm phi dầu mỏ và phi đá quý, đồ trang sức là 228,09 tỷ USD trong giai đoạn từ tháng 4 đến tháng 11/2021, ghi nhận mức tăng trưởng 49,52% với giá trị 152,55 tỷ USD so với cùng kỳ năm 2020 và tăng trưởng 13,54% với giá trị 200,89 tỷ USD so với cùng kỳ năm 2019.

Bảng 6: Lũy kế kim ngạch xuất nhập khẩu các sản phẩm phi dầu mỏ và phi đá quý, đồ trang sức từ tháng 4 đến tháng 11/2021

Kim ngạch	Giá trị (tỷ USD)			Tốc độ tăng trưởng (%)	
	Tháng 4-11/2021	Tháng 4-11/2020	Tháng 4-11/2019	Tháng 4-11/2021 so với tháng 4-11/2020	Tháng 4-11/2021 so với tháng 4-11/2019
Xuất khẩu	199,56	144,72	157,09	37,89	27,03
Nhập khẩu	228,09	152,55	200,89	49,52	13,54

Trong 10 nhóm hàng xuất khẩu chính của Ấn Độ (chiếm 79% tổng kim ngạch xuất khẩu) có một số nhóm hàng cho thấy tốc độ tăng trưởng cao như các sản phẩm dầu mỏ với tốc độ tăng trưởng 145%; hàng kỹ thuật (tăng 37%); sợi bông (tăng 40%) so với cùng kỳ năm ngoái.

Bảng 7: Giá trị xuất khẩu 10 nhóm hàng hóa chính

Nhóm hàng hóa chính	Giá trị xuất khẩu (Triệu USD)		Tỷ lệ (%) trong tổng giá trị xuất khẩu (Tháng 11/2021)	Tăng trưởng (%), tháng 11/2021 so với tháng 11/2020
	Tháng 11/2021	Tháng 11/2020		
Hàng kỹ thuật	8077,32	5896,67	27,04	36,98
Sản phẩm dầu mỏ	3820,03	1557,36	12,79	145,29
Đá quý và đồ trang sức	2392,20	2690,83	8,01	-11,10
Hóa chất hữu cơ và vô cơ	2246,50	1694,92	7,52	32,54
Thuốc và Dược phẩm	1825,36	1963,40	6,11	-7,03
Hàng điện tử	1455,58	1121,17	4,87	29,83
Sợi bông / Vải	1227,83	872,55	4,11	40,72
RMG của tất cả hàng dệt may	1072,17	1043,75	3,59	2,72
Sản phẩm từ biển	753,99	586,64	2,52	28,53
Nhựa và vải sơn	724,35	507,25	2,42	42,80
Tổng số 10 nhóm hàng hóa chính	23595,35	17934,54	78,98	31,56
Nhóm hàng khác	6280,75	5685,40	21,02	10,47
Tổng xuất khẩu	29876,11	23619,95	100,00	26,49

Nhập khẩu 10 nhóm hàng chính chiếm 77% tổng kim ngạch nhập khẩu và có mức tăng trưởng tích cực trong tháng 11/2021 so với cùng kỳ năm 2020. Cho thấy dấu hiệu phục hồi của nền kinh tế với việc tiêu dùng tăng cao, giá trị nhập khẩu tăng cao.

Bảng 8: Giá trị nhập khẩu 10 nhóm hàng hóa chính

Nhóm hàng hóa chính	Giá trị xuất khẩu (Triệu USD)		Tỷ lệ (%) trong tổng giá trị nhập khẩu (Tháng 11/2021)	Tăng trưởng (%), tháng 11/2021 so với tháng 11/2020
	Tháng 11/2021	Tháng 11/2020		

			11/2021)	11/2020
Dầu mỏ, dầu thô & sản phẩm	14.677	6.314	27,62	132,4
Hàng điện tử	5.743	4.695	10,81	22,3
Vàng	4.221	3.022	7,94	39,6
Than đá, than cốc & gạch, v.v.	3.577	1.517	6,73	135,8
Máy móc, điện & không điện	3.322	2.568	6,25	29,3
Hóa chất hữu cơ & vô cơ	2.521	1.515	4,74	66,3
Ngọc trai và đá quý	1.978	1.839	3,72	7,5
Nhựa nhân tạo, vật liệu nhựa, v.v.	1.860	1.156	3,50	60,8
Dầu thực vật	1.754	981	3,30	78,8
Kim loại màu	1.522	1.154	2,87	31,8
Tổng số 10 nhóm hàng hóa chính	41.180	24.765	77,49	66,2
Nhóm hàng khác	11.965	9.046	22,51	32,2
Tổng nhập khẩu	53.145	33.812	100,00	57,1

III. THÔNG TIN NGÀNH HÀNG.

1. Ngành hàng gạo.

Giá gạo của Ấn Độ chạm mức thấp nhất trong vòng ba tháng



Tỷ lệ xuất khẩu gạo của Ấn Độ giảm xuống mức thấp nhất trong ba tháng qua (kể từ giữa tháng 8 tới tháng 11) do nhu cầu giảm từ người mua ở châu Phi, trong khi các thương nhân Việt Nam kỳ vọng nguồn cung trong nước giảm sẽ ngăn đà giảm của giá gạo.

Giữa tháng 11/2021, giá gạo 5% tẩm được báo giá ở mức 354 - 360 USD/tấn, đây là mức thấp nhất kể từ giữa tháng 8, giảm từ 359 - 364 USD một tuần trước đó (đầu tháng 11/2021). Đây là mặt hàng xuất khẩu hàng đầu của Ấn Độ. Một nhà xuất khẩu có trụ sở tại Kakinada, Andhra Pradesh cho biết: "Người mua đang trì hoãn việc mua hàng vì giá đã giảm trong vài tuần qua. Họ đang mong đợi giá sẽ giảm hơn nữa".

Cùng với đà giảm chung của giá gạo thế giới, giá gạo 5% tẩm của Việt Nam giảm xuống còn 425- 430 USD/tấn từ 430- 435 USD/tấn một tuần trước đó. Một thương nhân có trụ sở tại Thành phố Hồ Chí Minh cho biết: "Giá giảm theo đà giảm của giá gạo từ các nước xuất khẩu khác, bao gồm cả Ấn Độ và Pakistan". Tuy nhiên, với việc nguồn cung ở Việt Nam giảm có khả năng sẽ ngăn giá tiếp tục giảm trong những tuần tới, với vụ thu hoạch tiếp theo dự kiến chỉ vào cuối tháng 2 hoặc đầu tháng 3/2022.

Trái ngược với xu hướng giảm giá gạo của Việt Nam và Ấn Độ, giá gạo 5% tẩm của Thái Lan đã tăng lên 385- 395 USD/tấn từ 377- 383 USD vào tuần trước, nhờ sự tăng giá của đồng baht Thái so với đô la Mỹ và nhu cầu tăng sau khi giá giảm trong tuần trước xuống mức thấp nhất kể từ tháng 10/2017. Các thương nhân cho biết chi phí hậu cần cao, đã ảnh hưởng đến lĩnh vực xuất khẩu nói chung của Thái Lan, làm ảnh hưởng đến doanh số bán gạo. "Nhu cầu đã dần được cải thiện do giá giảm trong tuần trước nhưng chi phí vận chuyển vẫn cao, điều này đã cản trở các giao dịch", một thương nhân có trụ sở tại Bangkok cho biết.

Xuất khẩu gạo Non-Basmati có thể giảm vào năm 2022



BV Krishna Rao, chủ tịch Hiệp hội các nhà xuất khẩu gạo Ấn Độ đánh giá xuất khẩu gạo non-basmati của Ấn Độ trong năm tới có thể không đạt mức năm 2021 vì tất cả các quốc gia sản xuất gạo trên thế giới bao gồm Myanmar, Thái Lan, Việt Nam, Bangladesh và Pakistan đã có một vụ mùa tốt trong năm 2021. “Hầu hết các quốc gia này đã thoát ra khỏi thảm họa Covid, tình hình hạn hán và tắc nghẽn cơ sở hạ tầng.”. Điều này có nghĩa là sự phụ thuộc của họ vào nguồn cung gạo của Ấn Độ sẽ giảm xuống.

Ông đánh giá: “Vào năm 2022, vì sản lượng gạo toàn cầu được ước tính sẽ cao hơn, nên giá trị xuất khẩu gạo của Ấn Độ không thể đạt được như năm 2021”. Ông cho biết, ngay cả ở Việt Nam, nơi việc gieo sạ bị trì hoãn do đợt bùng phát dịch Covid-19, tuy nhiên sau đó việc gieo sạ đã diễn ra thuận lợi sau khi Việt Nam đã cố gắng hạn chế sự lây lan của dịch bệnh.

Vụ mùa mới ở tất cả các quốc gia trồng lúa đã bắt đầu và điều này cũng tác động đến giá gạo non – Basmati của Ấn Độ. So với tháng 10, giá gạo đã giảm 10 USD/tấn, và giá sẽ còn điều chỉnh hơn khi tới tay người mua. Các nhà xuất khẩu Ấn Độ cho biết các đơn hàng xuất khẩu gạo non-basmati giao tháng 12 đã giảm xuống khoảng nửa triệu tấn từ một đến 1,5 triệu tấn trong những tháng đầu năm nay.

Tại Ấn Độ, theo ước tính của Bộ nông nghiệp và phúc lợi nông dân, sản lượng gạo vụ kharif (vụ thu) dự kiến sẽ đạt mức kỷ lục 107,04 tấn trong giai đoạn 2021-22, cao hơn một chút so với mức 104,41 tấn của năm ngoái. Theo Rao, xuất khẩu gạo non-basmati

của Ấn Độ dự kiến sẽ đạt 14 triệu tấn trong năm nay, cao hơn một chút so với năm 2020 do ảnh hưởng của dịch bệnh khiến vận chuyển các container bị hạn chế. Năm 2021, nhu cầu gạo trên thế giới tăng, do nguồn cung giảm, các nhà xuất khẩu gạo của Ấn Độ nhận được nhiều các đơn đặt hàng từ khắp nơi trên thế giới. Tuy nhiên do chi phí vận chuyển cao và không có sẵn container đã khiến quá trình vận chuyển gạo non-basmati bị chậm trễ.

Theo báo cáo của Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ (USDA), sản lượng gạo của Thái Lan dự kiến sẽ phục hồi trong niên vụ thị trường 2021-22 sau khi hai năm hạn hán kéo dài, dự báo sản lượng gạo của Thái Lan sẽ đạt 21 triệu tấn trong năm 2021- 22. Tương tự, bất chấp hạn hán và lũ lụt ở một số vùng của Campuchia, sản lượng lúa trong vụ mùa mưa chính 2021-22 dự kiến sẽ tăng, USDA cho biết. Sản lượng gạo của Campuchia ước tính đạt 9,61 triệu tấn trong năm 2021-22, tăng so với mức 9,48 tấn trong năm 2020-21.

Trên toàn cầu, theo ước tính của Hội đồng Ngũ cốc Quốc tế sản lượng gạo đã tăng nhẹ lên 513 tấn từ 512 tấn vào tháng 9/2021. Ước tính giá trị thương mại được duy trì ở mức 48 tấn và dự báo tiêu thụ được nâng thêm 1 tấn lên 510 tấn. Các kho dự trữ gạo ổn định ở mức 182 tấn.

Xuất khẩu nông sản, thực phẩm chế biến từ tháng 4 đến tháng 11 của Ấn Độ tăng 13% so với cùng kỳ năm ngoái



Theo dữ liệu do Bộ Thương mại và Công nghiệp, Cơ quan Phát triển Xuất khẩu Nông sản và Thực phẩm Chế biến (APEDA), xuất khẩu các sản phẩm nông nghiệp và thực phẩm chế biến của Ấn Độ tăng hơn 13% trong 8 tháng đầu tiên (từ tháng 4 tới tháng 11) của năm tài khóa hiện tại so với cùng kỳ năm ngoái. Giá trị xuất khẩu tăng từ 11,671 tỷ USD trong tháng 4-11/2020-21 lên 13,261 tỷ USD trong tháng 4-11/2021-22.

Bảng: Xuất khẩu nông sản và thực phẩm chế biến (tháng 4-11), 2021-22 so với 2020-21

S T T	Sản phẩm	Xuất khẩu (T4-11 /2021-22) (triệu USD)	Xuất khẩu (T4-11 /2020-21) (triệu USD)	Tăng trưởng (%)
1	Gạo	5.937	5.341	11
2	Các sản phẩm thịt, sữa và gia cầm	2.665	2.371	12
3	Hoa quả và rau	1.720	1.536	12
4	Các chế phẩm từ ngũ cốc và các mặt hàng chế biến khác	1.418	1.127	26
5	Ngũ cốc khác	590	338	74
6	Hạt điều	302	243	24
7	Dầu thực vật	626	713	-12
	Tất cả sản phẩm	13.261	11.671	13,6

Mục tiêu xuất khẩu các sản phẩm trong giỏ hàng hóa nông sản của APEDA đã được đặt ở mức 23,713 tỷ USD cho giai đoạn 2021-22. Trong đó, các mặt hàng trong giỏ hàng hóa đều cho thấy xu hướng tăng. Trong đó xuất khẩu gạo là mặt hàng mang lại thu nhập ngoại hối lớn nhất với 5,9 tỷ USD trong giai đoạn từ tháng 4 đến tháng 11 năm 2021-22, tăng 11% so với cùng kỳ năm 2020-21 khi đạt mức 5,3 tỷ USD.

Bên cạnh đó, xuất khẩu thịt, sữa và các sản phẩm gia cầm tăng 12% ở mức 2,6 tỷ USD trong khoảng thời gian từ tháng 4 đến tháng 11 năm 2021-22, so với mức 2,3 tỷ

USD trong cùng kỳ 2020-21. Xuất khẩu trái cây và rau quả đã tăng 12% lên 1,7 tỷ USD so với mức 1,5 tỷ USD. Xuất khẩu các chế phẩm từ ngũ cốc và các mặt hàng chế biến khác đã tăng 26% đạt 1,4 tỷ USD so với 1,1 tỷ USD. Xuất khẩu hạt điều cũng tăng 29% lên 302 triệu USD so với mức 234 triệu USD cùng kỳ năm trước.

2. Ngành Thủy sản.

Ấn Độ xuất khẩu các sản phẩm thủy sản sang Trung Quốc trị giá 700 triệu USD

Hoạt động xuất khẩu thủy sản sang thị trường Trung Quốc gặp nhiều khó khăn do phía Trung Quốc nghi ngại các lô hàng của Ấn Độ có dính virus Covid-19 trên bề mặt bao bì đóng gói, Trung Quốc đã đình chỉ 51 đơn vị của Ấn Độ vô thời hạn. Tuy nhiên, bất chấp những khó khăn kể trên, xuất khẩu các sản phẩm thủy sản sang Ấn Độ đạt mức 700 triệu USD trong 7 tháng (từ tháng 4 đến tháng 10 năm 2021), và đã đạt được 68% mục tiêu cả năm là 1 tỷ USD.

KS Srinivas, Chủ tịch Cơ quan Phát triển Xuất khẩu Thủy sản (MPEDA) cho biết xuất khẩu thủy sản của Ấn Độ đã tăng mạnh trở lại. Các nhà sản xuất và xuất khẩu thủy sản Ấn Độ đã dần tìm kiếm lại sự ổn định sau những tác động tiêu cực do dịch Covid – 19 gây ra, cho thấy dấu hiệu phục hồi trở lại, hoạt động tốt hơn so với năm 2019-2020.

Trong nửa đầu năm 2019-20, xuất khẩu sản phẩm thủy sản đạt 3,4 tỷ USD và giảm xuống còn 2,7 tỷ USD trong nửa đầu năm 2020-21. Trong nửa đầu năm 2021-22, giá trị xuất khẩu thủy sản đã tăng lên và đạt mức 3,7 tỷ USD, đạt 60% mục tiêu cả năm. Tăng trưởng 37% về giá trị và 23% về lượng so với cùng kỳ năm ngoái. Kết quả này có được một phần là do thị trường quốc tế đã mở cửa trở lại, và đơn giá thủy sản xuất khẩu tăng lên đạt mức 6,17 USD/kg từ mức 5,63 USD/kg.

Sản lượng tôm là khoảng 8,5 vạn tấn và đang có xu hướng tăng lên. Gần đây, nhu cầu về tôm sú đang càng tăng. Cũng có một số lo ngại rằng việc nuôi tôm thẻ chân trắng đang

trở nên tốn kém và người nuôi trồng nên tập trung vào việc nuôi tôm sú.

Về tình hình đánh bắt thủy hải sản. Do ảnh hưởng của các trận lốc xoáy trên bờ biển Ấn Độ khiến sản lượng cá đánh bắt được trong nửa đầu năm (từ tháng 4 tới tháng 9) đạt mức 218.000 tấn, giảm 87% so với mức 1.800.000 tấn trong cùng kỳ năm 2020. Ngoài trừ bang Gujarat và Andhra Pradesh, tất cả các bang khác đều báo cáo lượng cá đánh bắt giảm sút. Trong đó các bang sản xuất lớn sản phẩm thủy sản như Kerala và Karnataka báo cáo mức sụt giảm đáng kể trong hoạt động đánh bắt.

Tình trạng thiếu container trầm trọng và cước phí vận tải tăng lên đáng kể cũng gây ảnh hưởng tác động lớn tới các nhà xuất khẩu thủy hải sản Ấn Độ. Giá thuê container tăng gấp nhiều lần, như vận chuyển từ Ấn Độ sang Hoa Kỳ, giá container tăng từ 4000-8000 USD lên mức 14.000-22.000 USD, khiến lợi nhuận của nhà xuất khẩu bị ảnh hưởng nghiêm trọng.

Đứng trước những vấn đề thách thức kể trên, MPEDA đã có những biện pháp kịp thời để giúp đỡ những người sản xuất và những nhà xuất khẩu. Cụ thể, MPEDA đang mở rộng cơ sở kiểm dịch ở Chennai để giải quyết nhu cầu gia tăng đối với tôm thẻ chân trắng bố mẹ. Bên cạnh đó, cơ sở vật chất của các bến cảng đánh cá cũng đang được hiện đại hóa. MPEDA đã chủ động nâng cấp và hiện đại hóa cơ sở hạ tầng, bao gồm việc xây dựng các nhà máy đông lạnh đạt các tiêu chuẩn an toàn vệ sinh. Về việc tăng sản lượng tôm sú, MPEDA đang thành lập trung tâm nhân giống tôm sú bố mẹ, để cung cấp cho thị trường, với nhu cầu nuôi tôm sú đang tăng trở lại.

3. Dệt May – Da giày

Ấn Độ tìm cách tiếp cận các thị trường miễn thuế cho hàng da giày theo các FTA



Tại Lễ trao giải thưởng các doanh nghiệp xuất khẩu xuất sắc năm 2021 do Hội đồng xuất khẩu da Ấn Độ (CLE) tổ chức, Piyush Goyal, Bộ trưởng bộ Thương mại và Công nghiệp cho biết, chính phủ Ấn Độ đang tìm kiếm cách tiếp cận thị trường miễn phí cho các mặt hàng bằng da ở các nước UAE, Anh và Úc, đây là các quốc gia mà Ấn Độ đang đàm phán Hiệp định Thương mại Tự do (FTA) để thúc đẩy sản xuất và xuất khẩu mặt hàng này.

Ông cũng bày tỏ hy vọng rằng các cuộc đàm phán về một thỏa thuận tương tự với nhóm Hội đồng Hợp tác Vùng Vịnh (GCC) sẽ được khởi động vào khoảng tháng 1 hoặc tháng 2 năm sau. Các nước thành viên của GCC là Bahrain, Kuwait, Oman, Qatar, Saudi Arabia và United Arab Emirates (UAE).

Ông Goyal khẳng định những yêu cầu miễn thuế cho các sản phẩm da là ưu tiên hàng đầu trong đàm phán của Ấn Độ đối với các đối tác UAE, Anh và Australia ... Ông cũng bày tỏ hy vọng rằng Israel cũng có thể mở cửa cho các sản phẩm da của Ấn Độ. Mục tiêu giúp cho các doanh nghiệp sản xuất và xuất khẩu sản phẩm da có thể tiếp cận thị trường tốt hơn và tạo ra cơ hội phát triển cho doanh nghiệp.

Bộ trưởng cũng yêu cầu ngành công nghiệp da làm việc dựa trên quy mô và chất lượng để đưa Ấn Độ trở thành trung tâm lớn cho các thương hiệu toàn cầu. Tuy nhiên, Bộ trưởng cũng nhấn mạnh ngành công nghiệp da không nên chờ đợi các biện pháp hỗ trợ của chính phủ mà cần chủ động phát huy thế mạnh của mình để thúc đẩy tăng trưởng.

Phát biểu tại sự kiện, Chủ tịch hội đồng xuất khẩu da (CLE), Sanjay Leekha cho biết ngành công nghiệp này đã đặt mục tiêu xuất khẩu 5,89 tỷ USD cho năm nay và mục tiêu đạt 10 tỷ USD vào năm 2025. Mục tiêu đạt kim ngạch xuất nhập khẩu sản phẩm da trong nước đạt 20 tỷ USD vào năm 2025 từ mức 12 tỷ USD hiện nay. Ông cũng kêu gọi chính phủ mở rộng các lợi ích của kế hoạch Khuyến khích Liên kết Sản xuất (PLI) đối với lĩnh vực này vì nó sẽ giúp thúc đẩy sản xuất, tạo việc làm và tăng xuất khẩu.

Ngoài ra, ông yêu cầu xây dựng một kế hoạch công viên lớn cho ngành da và thiết lập các cụm siêu nhỏ gần các cụm truyền thống hiện có với mô hình plug-and-play để mở rộng hoạt động và tăng công suất nhanh hơn.

Ông cho biết thêm “Khả năng cạnh tranh về giá là chìa khóa để đạt được thành công trên thị trường toàn cầu. Vì chúng tôi là nhà cung cấp cho các thương hiệu toàn cầu, do đó chúng tôi phải tìm nguồn nguyên liệu từ các nhà cung cấp ở nước ngoài. Do đó, việc khôi phục quyền miễn Thuế Hải quan đối với nguồn nguyên liệu da là cực kỳ quan trọng để nâng cao sức cạnh tranh của các doanh nghiệp da Ấn Độ”.

4. Mặt hàng Chè

Những thách thức ngành chè phải đối mặt



Ngành chè Ấn Độ đang phải đối mặt với nhiều thách thức trong đó bao gồm việc sản lượng ngành chè trong năm 2021 dự kiến giảm 40-45 triệu kg so với năm 2019; xuất khẩu sụt giảm mạnh do ảnh hưởng lớn từ đại dịch Covid-19 và nhập khẩu các loại chè giá rẻ gia tăng.

Sản lượng chè giảm

Theo số liệu của Tea Board of India, tổng sản lượng chè của Ấn Độ trong năm 2019 đạt 1390 triệu kg. Trong đó sản lượng chính tập trung ở khu vực Bắc Ấn Độ (bao gồm Assam và Tây Bengal) chiếm gần 84% tổng sản lượng chè trong nước với 1171 triệu kg, trong khi còn lại (218 triệu kg) đến từ các khu vực Nam Ấn Độ.

Theo Sujit Patra, Thư ký Hiệp hội Chè Ấn Độ (ITA), vụ mùa (tính đến tháng 10/2021) sản lượng thu hoạch đã giảm gần 40 triệu kg. Trong đó, sản lượng thu hoạch ở khu vực Bắc Ấn Độ ước tính thấp hơn khoảng 65 triệu kg, trong khi ở phía Nam Ấn Độ tăng khoảng 25 triệu kg. Vào tháng 11, sản lượng vụ mùa ở phía Bắc Ấn Độ ước tính sẽ thấp hơn khoảng 20-25% so với cùng kỳ năm 2019.

Hoạt động xuất khẩu suy giảm

Hoạt động xuất khẩu chè của Ấn Độ đang ở mức thấp nhất kể từ trước tới giờ do nhiều nguyên nhân bao gồm chi phí vận chuyển cao hơn, cuộc khủng hoảng thanh toán tại Iran đang chờ giải quyết và các vấn đề liên quan tới sự thiếu hụt container. Theo dữ liệu của Tea Board, xuất khẩu chè trong giai đoạn từ tháng 1 đến tháng 9 giảm gần 10% xuống 137,97 triệu kg so với 153,27 triệu kg trong năm trước đó. Tuy nhiên, đơn giá xuất khẩu tăng gần 15% lên mức 272,86 Rs/kg (so với mức 237,30 Rs/kg) trong cùng thời gian.

Nhập khẩu chè tăng

Bên cạnh đó, việc tăng nhập khẩu chè giá rẻ từ Việt Nam và Sri Lanka cũng gây tác động tới hoạt động của nhà sản xuất và xuất khẩu chè Ấn Độ. Mặc dù phần lớn chè nhập khẩu là để tái xuất khẩu, nhưng một lượng lớn chè cũng theo đó được hấp thụ vào thị trường nội địa. Nhập khẩu chè từ tháng 1 đến tháng 8/2021 đã tăng 34% lên 16,97 triệu kg so với mức 12,65 triệu kg trong cùng kỳ năm ngoái. Tổng nhập khẩu chè năm 2020 đã tăng 50% ở mức 23,79 triệu kg so với 15,85 triệu kg vào năm 2019.

Giá trung bình của các loại chè ở khu vực Bắc Ấn tại tất cả các trung tâm đấu giá đã

tăng gần 10% ở mức 188,27 Rs/kg trong năm nay so với mức 171,65 Rs/kg năm ngoái. Giá đã tăng gần 26% so với mức 149,48 Rs/kg trong năm 2019.

5. Mặt hàng tiêu

Hạt tiêu Ấn Độ vượt mức giá 500 Rs/kg



Giá tiêu đen Ấn Độ đã tăng lên hơn 500 Rs/kg trong vòng 4 năm trở lại đây, do nhu cầu cao hơn trong mùa lễ hội và do nhu cầu tiêu dùng tăng sau thời gian dài bị đình trệ do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19.

Giá tiêu bắt đầu tăng kể từ đầu mùa lễ hội và tăng hơn 5% trong một tuần qua lên 511 Rs/kg. Các thương nhân và nhà xuất khẩu kỳ vọng giá sẽ vẫn ở mức cao cho đến khi mùa thu hoạch bắt đầu vào đầu năm sau. Mùa thu hoạch tiêu bắt đầu từ tháng 12 và kéo dài đến tháng 3 năm sau. Giá tiêu Ấn Độ bắt đầu tăng trong vài tháng qua do nhu cầu tiêu thụ trong nước tăng lên. Với mức tăng hơn 30% so với cùng kỳ năm ngoái. Giá tiêu Ấn Độ đã vượt mức 500 Rs/kg, đây là mức giá cao nhất trong vòng 4 năm trở lại đây kể từ năm 2017.

Sự tăng giá này một phần cũng do lo ngại về sản lượng sẽ suy giảm trong vụ thu hoạch tới bởi khí hậu khắc nghiệt ảnh hưởng tới sản lượng thu hoạch tiêu. Karnataka là bang sản xuất tiêu chính của Ấn Độ, tiếp theo là Kerala.

Không giống như các nước sản xuất hạt tiêu khác, giá hạt tiêu Ấn Độ chủ yếu được quyết định bởi nhu cầu trong nước, chiếm tỷ trọng lớn trong sản lượng hàng năm khoảng

60.000 tấn. Kishor Shamji, giám đốc điều hành của Kishor Spices, cho biết nhu cầu tiêu dùng tiêu đặc biệt cao phục vụ cho ngành công nghiệp thực phẩm, cung cấp các dịch vụ ăn uống, khách sạn, tiệc cưới,...ở Bang Haryana, Gujarat và Rajasthan.

Sản lượng toàn cầu sẽ giảm khoảng 12% so với năm trước ở mức 497.000 tấn, trong khi nhu cầu tiêu dùng sau Covid-19 tăng lên 505.000 tấn. Giá tiêu toàn cầu đã leo thang kể từ tháng 6 khi Trung Quốc tăng cường thu mua và sản lượng tiêu giảm ở Việt Nam, nước sản xuất tiêu đen lớn nhất. Theo báo cáo nghiên cứu của Nedspice, một công ty chế biến và phân phối gia vị có trụ sở tại Hà Lan với các chi nhánh trên toàn thế giới bao gồm cả Việt Nam và Ấn Độ, sản lượng tiêu của Việt Nam đã giảm gần 18% so với cùng kỳ năm ngoái ở mức 201.000 tấn trong giai đoạn 2020-21 do tình hình thời tiết không thuận lợi và ảnh hưởng do đại dịch gây ra.

Jojan Malayil, Giám đốc điều hành của Bafna Enterprises cho biết: “Giá tiêu tại Việt Nam, Brazil và Indonesia đang dao động trong khoảng 4.300-4.500 USD/tấn, tăng gần gấp đôi so với năm trước. Giá tiêu của Malaysia đang bán ở mức 5.200 USD/tấn trong khi giá tiêu Ấn Độ ở mức cao nhất 6.780 USD/tấn, khiến tiêu Ấn Độ không có khả năng cạnh tranh trên thị trường toàn cầu.

Một số thông tin tại Ấn Độ đánh giá một trong những nguyên nhân khiến giá tiêu tăng là do trước đây nhiều lô hàng nhập khẩu tiêu trái phép từ Việt Nam qua Myanmar đến thị trường phía bắc Ấn Độ. Tuy nhiên, kể từ khi chính phủ mới lên nắm quyền ở Myanmar, thì hoạt động kinh doanh trái phép này đã bị dừng lại, khiến nguồn hàng càng trở nên khan hiếm.

Trong những năm qua, giá tiêu Ấn Độ cao hơn so với giá tiêu của Việt Nam, Sri Lanka, thúc đẩy hoạt động nhập khẩu tiêu từ hai quốc gia này. Khiến cho hoạt động xuất khẩu hạt tiêu của Ấn Độ bị đình trệ khoảng 16.000 đến 17.000 tấn. Kết quả là, Ấn Độ đã trở thành nước nhập khẩu ròng hạt tiêu. Nhập khẩu hạt tiêu để xuất khẩu ở mức 22.469 tấn

trong khoảng thời gian từ tháng 1 đến tháng 9 năm 2021, tăng 37% so với cùng kỳ năm 2020.

Thị phần tiêu của Ấn Độ trong xuất khẩu hiện nay rất thấp do giá cao. Không giống như Việt Nam và Brazil, những nước phụ thuộc vào xuất khẩu, Ấn Độ có một thị trường tiêu thụ nội địa rộng lớn. Việc tăng giá cước và tình trạng thiếu container đã ảnh hưởng đến các chuyến hàng vận chuyển tiêu, giá cước vận chuyển hàng hóa sang Mỹ đã tăng gấp 5 lần lên 15.000 USD/container, Mỹ đang tìm kiếm nguồn cung từ Brazil.

IV. THÔNG TIN CÔNG NGHIỆP.

Sản lượng của tám lĩnh vực cốt lõi tăng 7,5% trong tháng 10/2021

Sản lượng của 8 lĩnh vực cốt lõi của Ấn Độ trong tháng 10 đã tăng 7,5% trong tháng 10/2021, so với mức thấp nhất trong vòng 7 tháng (kể từ tháng 04 tới tháng 10) là 4,5% vào tháng 9. Kết quả của sự tăng trưởng này là nhờ vào sự gia tăng nhu cầu sử dụng trong mùa lễ hội và gia tăng đáng kể trong sản xuất xi măng, than, sản phẩm lọc dầu và điện. Điều này cho thấy triển vọng tốt hơn cho ngành công nghiệp trong quý thứ ba so với hai quý trước đó.

Tăng trưởng công nghiệp trong nền kinh tế vẫn chưa bắt kịp tốc độ của các lĩnh vực cốt lõi. Theo số liệu từ Cục Thống kê Quốc gia, theo tổng sản phẩm quốc nội (GDP), ngành công nghiệp Ấn Độ đã tăng trưởng 6,9% trong quý II / 2021-22 (FY22) so với cùng kỳ năm 2020.

Tám ngành công nghiệp cốt lõi bao gồm than, thép, xi măng, phân bón, điện, khí tự nhiên, các sản phẩm lọc dầu, dầu thô. Tám ngành công nghiệp cốt lõi chiếm 40,27% trong lĩnh vực công nghiệp, do đó nó được đưa vào Chỉ số sản xuất Công nghiệp (IIP) và là một chỉ số hàng đầu về hoạt động công nghiệp của Ấn Độ.

Bảng: Tốc độ tăng trưởng sản lượng 8 lĩnh vực cốt lõi

Đơn vị: %

Ngành	10/2021	9/2021	10/2020
Than	14,6	8,0	11,7
Dầu thô	-2,2	-1,7	-6,2
Khí tự nhiên	25,8	27,5	-8,6
Sản phẩm lọc dầu	14,4	6,0	-17,0
Phân bón	0,04	0,04	6,3
Thép	2,8	2,8	5,9
Xi măng	11,3	11,3	3,2
Điện	0,9	0,9	11,2

Chỉ số của lĩnh vực cốt lõi ở mức 136,2 điểm, là mức cao nhất vào tháng 10 trong năm tài chính 2021-2022. Sản lượng than, khí đốt tự nhiên và các sản phẩm lọc dầu lần lượt tăng 14,6%; 25,8% và 14,4% trong khi sản lượng dầu thô giảm 2,2% so với cùng kỳ năm 2020. Sản lượng phân bón vẫn giữ ở mức 0,04% trong tháng 10 so với cùng kỳ năm 2020 và ở mức tương ứng với tháng 9/2021. Sản xuất xi măng tăng 14,5% trong khi tăng trưởng sản xuất điện ở mức 2,8%. Sản lượng thép trong tháng 10 đã tăng 0,9% so với cùng kỳ năm 2020.

Tốc độ tăng trưởng của các ngành cơ sở hạ tầng trong giai đoạn từ tháng 4 đến tháng 10 là 15,1% so với mức giảm 12,6% trong cùng kỳ năm 2020. Sunil Kumar Sinha, chuyên gia kinh tế của India Ratings & Research, cho biết sản lượng của ngành cốt lõi đang dần nhích lên mức trước Covid, nhưng sản lượng của ngành than bị ảnh hưởng bởi lượng mưa quá lớn trong tháng 9 vẫn chưa phục hồi.

V. HỘI CHỢ TRIỂN LÃM – GIAO THƯƠNG TRỰC TUYẾN.

1. Thúc đẩy hợp tác kinh tế, đầu tư giữa Việt Nam và bang Kerala (Ấn Độ)

Theo báo Điện tử ĐCSVN: Từ ngày 8 đến 10/11, Đại sứ Việt Nam tại Ấn Độ Phạm Sanh Châu, Tham tán Thương mại Bùi Trung Thuởng và đoàn cán bộ ĐSQVN đã có chuyến thăm, làm việc tại Bang Kerala, miền Nam Ấn Độ nhằm tìm hiểu và thúc đẩy các cơ hội hợp tác kinh tế, đầu tư giữa Kerala và Việt Nam.

Trong chuyến thăm này, Đại sứ Việt Nam tại Ấn Độ Phạm Sanh Châu đã chào xã giao Thủ hiến bang Kerala, Ủy viên Bộ Chính trị Đảng Cộng sản Ấn Độ mác-xít (CPI-M) Pinarayi Vijayan và trao đổi về cơ hội hợp tác hai bên.

Tại buổi tiếp Đại sứ Phạm Sanh Châu, Thủ hiến bang Kerala Pinarayi Vijayan khẳng định Việt Nam có vị trí đặc biệt trong trái tim Kerala, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn ở trong tâm trí người Kerala.

Nhấn mạnh Kerala luôn ở bên Việt Nam trong cuộc kháng chiến bảo vệ độc lập của Việt Nam trước đây với khẩu hiệu 'Tomar naam aamar naam Vietnam' ('Tên anh, tên tôi, Việt Nam') cũng như trong công cuộc phát triển đất nước hiện nay, Thủ hiến Pinarayi Vijayan mong muốn hai bên tăng cường hợp tác, trao đổi giữa các ngành và giữa bang Kerala với các tỉnh, thành của Việt Nam, cho biết việc chia sẻ các kinh nghiệm thành công của Việt Nam trong nông nghiệp, thủy sản có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển tương lai của Kerala trong các lĩnh vực này.

Trong khuôn khổ chuyến thăm, Đại sứ Phạm Sanh Châu đã có các buổi làm việc với chính quyền bang, Bộ trưởng các Bộ Nông nghiệp, Thủy sản, Công nghiệp, lãnh đạo Bộ Giáo dục và các Trường Đại học lớn của Kerala như Đại học Nông nghiệp, Đại học Kerala. Các buổi trao đổi đồng thời có sự tham gia trực tuyến của đại diện Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, các Hiệp hội Điều, Hồ tiêu, Cao su Việt Nam, Trường Đại học Cần Thơ và một số tỉnh, thành.

Tại các buổi làm việc, đại diện lãnh đạo các Bộ Nông nghiệp, Bộ Thủy sản, Bộ Công nghiệp bang Kerala mong muốn học hỏi, trao

đổi công nghệ với Việt Nam trong các lĩnh vực sản xuất điều, hạt tiêu, cao su với nhiều hình thức hợp tác giữa các trường đại học, chuyên gia, nhà khoa học, nông dân; tăng cường trao đổi về giống thủy sản, công nghệ nuôi trồng, công nghệ chế biến và gia tăng giá trị cho sản phẩm thủy sản; đẩy mạnh hợp tác trên các lĩnh vực như nông nghiệp, thủy sản, cao su, đào tạo và xây dựng năng lực sản xuất bền vững, bổ sung giá trị gia tăng cho sản phẩm....

Nhân dịp này, Đại sứ Phạm Sanh Châu đã thăm một số cơ sở sản xuất và địa điểm văn hóa của Kerala như Công ty Phát triển Hạt điều CDC lớn nhất Kerala với 30 nhà máy sản xuất trên toàn bang, Làng nghề truyền thống Kovalam, Khu du lịch sinh thái Đảo Munroe và Trung tâm nuôi dưỡng voi Paripally.

Kerala hiện là một trong số các bang phát triển nhất hiện nay của Ấn Độ, đứng thứ 9/29 bang về phát triển kinh tế, đóng góp 4% GDP của cả nước. GDP bình quân đầu người tại Kerala đứng thứ 6 cả nước, đạt 3.156 USD trong năm 2019-2020. Tháng 5/2021, Mặt trận Dân chủ Cánh tả (LDF) do CPI-M dẫn đầu đã giành thắng lợi lịch sử trong kỳ bầu cử Viện Lập pháp bang, trở thành đảng đầu tiên trong hơn 40 năm qua nắm quyền liên tiếp hai nhiệm kỳ tại Kerala./.

2. Cơ hội hợp tác Dệt May với thành phố Surat, bang Gujarat - Ấn Độ

Từ ngày 21 đến 23 tháng 11 năm 2021, đoàn công tác của Đại sứ quán Việt Nam tại Ấn Độ do Đại sứ Phạm Sanh Châu dẫn đầu đã có chuyến thăm và làm việc tại bang Gujarat, bang phía Tây của Ấn Độ.

Trong thời gian làm việc tại bang Gujarat, Đại sứ quán Việt Nam tại Ấn Độ đã phối hợp Phòng Thương mại và Công nghiệp Nam Gujarat tổ chức diễn đàn thương mại đầu tư tại thành phố Surat, trao đổi cơ hội hợp tác trong các lĩnh vực có nhiều tiềm năng hợp tác kinh doanh như dệt may, dược phẩm và hóa chất.

Tham dự hội nghị có Lãnh đạo Phòng Thương mại và Công nghiệp Nam Gujarat,

gần 100 doanh nghiệp là thành viên của Phòng Thương mại và Công nghiệp trong các lĩnh vực dệt may, dược phẩm, hóa chất, sản xuất kim cương v.v...

Về phía Việt Nam có Đại sứ Phạm Sanh Châu, Tham tán Công sứ Đỗ Thanh Hải và một số cán bộ của Đại sứ quán Việt Nam tại Ấn Độ tham dự trực tiếp tại thành phố Surat; tham dự trực tuyến từ phía Việt Nam có chuyên viên Cục Đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch và đầu tư; ông Subhash Chandra, giám đốc công ty du lịch Asia DMC.

Surat là một thành phố ở bang Gujarat, miền tây Ấn Độ, nằm ở cửa sông Tapti, gần với biển Ả Rập nơi đây từng là một cảng biển lớn. Surat hiện là trung tâm thương mại và kinh tế ở Nam Gujarat, và là một trong những khu vực đô thị lớn nhất của miền tây Ấn Độ. Đây là thành phố lớn thứ hai ở Gujarat sau Ahmedabad và là thành phố lớn thứ 8 về dân số và mức độ phát triển lớn thứ 9 ở Ấn Độ. Thành phố nằm giữa hai Trung tâm đô thị của Ấn Độ, cách thành phố Ahmedabad 265 km về phía Nam và cách trung tâm tài chính Mumbai 289 km về phía bắc.

Surat sẽ là thành phố phát triển nhanh nhất thế giới từ năm 2019 đến năm 2035, theo một nghiên cứu được thực hiện bởi Economic Times. Surat đã được trao giải "thành phố tốt nhất" bởi Khảo sát hàng năm về Hệ thống thành phố của Ấn Độ (ASICS) vào năm 2013. Surat được chọn là thành phố CNTT thông minh đầu tiên ở Ấn Độ được thành lập bởi sáng kiến của Microsoft liên kết với các chuyên ngành dịch vụ CNTT Tata Consultancy Services và Wipro; Surat giành được Giải thưởng Thành phố Thông minh Netexplo năm 2019 với UNESCO ở hạng mục khả năng phục hồi; được chọn là một trong 20 thành phố của Ấn Độ được phát triển thành thành phố thông minh theo Sáng kiến của Thủ tướng Narendra Modi. Surat được xếp vào danh sách thành phố sạch thứ hai của Ấn Độ tính đến ngày 21 tháng 8 năm 2020.

Surat được mệnh danh là thành phố dệt may. Ngành công nghiệp dệt ở Surat chủ yếu

tham gia vào các hoạt động sản xuất sợi, dệt, chế biến, nhuộm ren. Thị trường chính cho các sản phẩm dệt may của Surat là Ấn Độ và các nước châu Á khác. Khoảng 90% polyester được sử dụng ở Ấn Độ đến từ Surat và khoảng 65% sản lượng vải nhân tạo của Ấn Độ được thực hiện ở Surat.

Các công ty dệt tại Surat trang bị máy móc và công nghệ hiện đại nhập khẩu từ Đức và các nước châu Âu nên cho chất lượng, năng suất cao và thân thiện với môi trường. Theo Phòng thương mại và công nghiệp Nam Gujarat, tất cả nước sử dụng cho ngành công nghiệp dệt tại Surat là lấy từ nguồn nước thải của thành phố qua xử lý, không lấy từ nguồn nước ngầm.

Surat, nổi tiếng với nghề cắt và đánh bóng kim cương, được mệnh danh là Thành phố Kim cương của Ấn Độ, doanh thu hàng năm đạt khoảng 24 tỷ USD.

Tại diễn đàn, Đại sứ Phạm Sanh Châu khẳng định Việt Nam và Ấn Độ là hai quốc gia có quan hệ truyền thống lâu đời và được vun đắp qua nhiều thế hệ. Hai nước thiết lập qua hệ ngoại giao năm 1972, thiết lập quan hệ đối tác chiến lược năm 2007 và quan hệ đối tác chiến lược toàn diện năm 2016. Năm 2021 sẽ là năm kỷ niệm 5 năm thiết lập quan hệ đối tác chiến lược toàn diện và năm 2022 sẽ kỷ niệm 50 năm thiết lập quan hệ ngoại giao. Thương mại, đầu tư là 1 trong 5 trụ cột của quan hệ đối tác chiến lược toàn diện Việt Nam - Ấn Độ. Ấn Độ là 1 trong 10 đối tác thương mại hàng đầu của Việt Nam trong khi Việt Nam là đối tác thương mại đứng thứ 17 thế giới của Ấn Độ và đứng thứ tư tại Đông Nam Á. Mặc dù bị tác động bởi Covid-19 nhưng kim ngạch song phương vẫn tăng trưởng mạnh và với đà tăng trưởng này hy vọng 2 nước có thể sớm đạt hoặc vượt mốc kim ngạch thương mại song phương 15 tỷ USD trong năm 2022.

Đại diện Cục đầu tư nước ngoài trình bày về thực trạng và kết quả thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam trong thời gian qua. Ấn Độ là nhà đầu tư trực tiếp đứng thứ 26 trong số các quốc gia và vùng lãnh thổ đầu

tư vào Việt Nam với số vốn trên 900 triệu USD (không tính qua nước thứ 3), tập trung chủ yếu ở các tỉnh miền trung và miền nam; đối với các lĩnh vực sản xuất và công nghiệp chế biến (55%), sản xuất và phân phối điện (24%), mỏ (10%), nông lâm thủy sản (6%). Đại diện Cục Đầu tư nước ngoài nêu bật môi trường đầu tư thuận lợi của Việt Nam và các ưu đãi của Việt Nam dành cho nhà đầu tư nước ngoài.

Tại diễn đàn các bên chia sẻ về khả năng hợp tác giữa các doanh nghiệp thành phố Surat và các doanh nghiệp Việt Nam trên lĩnh vực mà hai bên có thế mạnh và tiềm năng gồm: dệt may, hóa chất, xây dựng thành phố thông minh, xử lý chất thải.

Các doanh nghiệp Việt Nam quan tâm đến cơ hội xuất nhập khẩu sản phẩm dệt may, hóa chất, cao su tự nhiên... vui lòng liên hệ với Thương vụ Việt Nam tại Ấn Độ qua địa chỉ Email: in@moit.gov.vn.

VI. CƠ HỘI GIAO THƯƠNG

Công ty Ấn Độ có nhu cầu nhập khẩu phân bón và nguyên liệu làm phân bón.

- Tên Công ty: SSP Commodities and Solutions Pvt Ltd.

- Người liên hệ (giám đốc): Mr. Madan Murari Sinha and Ravi Mani

Telehpne no 9717338604/9810030524

Email: ravimanimosur@gmail.com

mmssindri1161@gmail.com

sspcspl@gmail.com

- Trụ sở tại Noida, Uttar Pradesh, Ấn Độ

- Nhu cầu: Công ty có nhu cầu nhập khẩu số lượng lớn Rock Phosphate, một khoáng chất và nguyên liệu sản xuất Phân bón; Di Calcium Phosphate một loại thức ăn chăn nuôi; phân bón thành phẩm. Khách hàng của SP Commodities and Solutions Pvt Ltd là chính phủ Ấn Độ và các tổ chức tư nhân.

SP Commodities and Solutions Pvt Ltd cũng xuất khẩu theo sự chấp thuận của Chính phủ đối với các sản phẩm như cây thuốc, nông sản

xuất khẩu như Chuối, Chanh, Nghệ có nguồn gốc từ Nam Ấn Độ; các chất kích thích sinh học có thể góp phần nâng cao năng suất của các sản phẩm nông nghiệp khác nhau như lúa mì gạo, ngô, rau, v.v.

THƯƠNG VỤ ẤN ĐỘ